

khen thưởng hàng năm theo chế độ chung của Nhà nước.

Điều 24. Đơn vị, cá nhân nào vi phạm các quy định tại Quy chế này thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm sẽ bị xử lý kỷ luật, xử lý hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật, nếu gây thiệt hại về vật chất thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

Chương VII

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 25. Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan chỉ đạo các đơn vị thuộc, trực thuộc tổ chức nghiên cứu, học tập và triển khai thực hiện nghiêm chỉnh Quy chế này tới các đơn vị, cá nhân có liên quan.

Điều 26. Định kỳ sáu tháng và hàng năm, Cục trưởng Cục Hải quan các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có đánh giá sơ kết, tổng kết việc thực hiện Quy chế này và gửi báo cáo kết quả về Tổng cục Hải quan (qua Cục Công nghệ thông tin và Thống kê Hải quan) để báo cáo lãnh đạo Tổng cục Hải quan và Bộ Tài chính.

Điều 27. Trong quá trình thực hiện Quy chế này, nếu có điểm nào vướng mắc hoặc không còn phù hợp với thực tế thì Thủ trưởng các đơn vị và cá nhân gửi ý kiến về Tổng cục Hải quan (qua Cục Công nghệ thông tin và Thống kê Hải quan) và Văn phòng Bộ Tài chính để xem xét, kiến nghị, sửa đổi cho phù hợp./.

KT. Bộ trưởng Bộ Tài chính
Thủ trưởng

TRƯƠNG CHÍ TRUNG

THÔNG TƯ số 75/2003/TT-BTC ngày 04/8/2003 hướng dẫn sửa đổi Thông tư số 18/2002/TT-BTC ngày 20/02/2002 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Nghị định số 26/2001/NĐ-CP ngày 04/6/2001 của Chính phủ và Nghị định số 30/1998/NĐ-CP ngày 13/5/1998 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp.

Căn cứ Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp được Quốc hội Khóa IX thông qua ngày 10 tháng 5 năm 1997;

Căn cứ Nghị định số 30/1998/NĐ-CP ngày 13/5/1998 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp và Nghị định số 26/2001/NĐ-CP ngày 04/6/2001 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 30/1998/NĐ-CP ngày 13/5/1998 của Chính phủ,

Bộ Tài chính hướng dẫn sửa đổi điểm 3 Mục IV Phần C Quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp quy định tại Thông tư số 18/2002/TT-BTC ngày 20/02/2002 của Bộ Tài chính như sau:

Điểm 3 Mục IV Phần C sửa lại như sau:

“3. Cơ sở kinh doanh phải nộp báo cáo quyết toán thuế cho cơ quan thuế trực tiếp quản lý trong thời hạn 60 ngày, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

Đối với trường hợp sáp nhập, hợp nhất, chia tách, giải thể, phá sản, thời gian nộp báo cáo quyết toán thuế là sau 45 ngày kể từ ngày có Quyết định sáp nhập, hợp nhất, chia tách, giải thể, phá sản của cơ quan có thẩm quyền.”

Thông tư này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày,

kể từ ngày đăng Công báo và áp dụng quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp từ năm 2002./.

KT. Bộ trưởng Bộ Tài chính
Thư trưởng

TRƯƠNG CHÍ TRUNG

THÔNG TƯ số 76/2003/TT-BTC ngày 04/8/2003 hướng dẫn về bảo hiểm trong đầu tư và xây dựng.

Căn cứ Luật Kinh doanh bảo hiểm ngày 09 tháng 12 năm 2000;

Căn cứ Nghị định số 42/2001/NĐ-CP ngày 01 tháng 8 năm 2001 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm;

Căn cứ Nghị định số 52/1999/NĐ-CP ngày 08 tháng 7 năm 1999 của Chính phủ về việc ban hành Quy chế quản lý đầu tư và xây dựng; Nghị định số 07/2003/NĐ-CP ngày 30 tháng 01 năm 2003 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế quản lý đầu tư và xây dựng ban hành kèm theo Nghị định số 52/1999/NĐ-CP ngày 08 tháng 7 năm 1999 và Nghị định số 12/2000/NĐ-CP ngày 05 tháng 5 năm 2000 của Chính phủ;

Bộ Tài chính hướng dẫn về bảo hiểm trong đầu tư và xây dựng như sau:

I. QUY ĐỊNH CHUNG

1. Khi tiến hành công tác đầu tư và xây dựng thuộc các dự án đầu tư, các tổ chức và cá nhân có liên quan (kể cả các tổ chức, cá nhân nước ngoài tham gia hoạt động tư vấn đầu tư và xây dựng và hoạt động thi công xây lắp công trình tại Việt Nam) thực hiện mua bảo hiểm theo quy

định tại Thông tư này để ứng phó với thiệt hại phát sinh do những rủi ro bất ngờ, không lường trước được hoặc do lỗi, thiếu sót, sự bất cẩn của các tổ chức, cá nhân trong quá trình đầu tư và xây dựng.

Bảo hiểm trong đầu tư và xây dựng đối với các dự án đầu tư trực tiếp của nước ngoài thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư nước ngoài tại Việt Nam.

2. Việc mua bảo hiểm trong đầu tư và xây dựng của các tổ chức và cá nhân phải thực hiện tại doanh nghiệp bảo hiểm hoạt động ở Việt Nam.

3. Quy tắc, điều khoản, biểu phí bảo hiểm trong đầu tư và xây dựng áp dụng theo quy định hiện hành của Bộ Tài chính.

II. QUY ĐỊNH CỤ THỂ

1. Các sản phẩm bảo hiểm trong đầu tư và xây dựng bao gồm:

1.1. Bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp tư vấn đầu tư và xây dựng.

1.2. Bảo hiểm công trình xây dựng.

1.3. Bảo hiểm cho vật tư, thiết bị, nhà xưởng phục vụ thi công.

1.4. Bảo hiểm tai nạn đối với người lao động.

1.5. Bảo hiểm trách nhiệm dân sự đối với người thứ ba.

2. Đối tượng bảo hiểm bắt buộc:

2.1. Bảo hiểm công trình xây dựng thực hiện đối với các dự án đầu tư có sử dụng vốn ngân sách nhà nước, vốn tín dụng do Nhà nước bảo lãnh, vốn tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước, vốn đầu tư phát triển của doanh nghiệp nhà nước.

Đối với các dự án đầu tư sử dụng các nguồn vốn khác, Nhà nước khuyến khích mua bảo hiểm công trình xây dựng.